TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 09/2018/DS-ST Ngày: 23-5- 2018 V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Ngọc Tường

2. Ông Nguyễn Huy Trụ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*** tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 804/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2018/QĐST-DS ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T; địa chỉ: Số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền*:* Bà Lã Thị Huyền Trang, sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017). (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Quản Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Tổ 20, khu 2B, phường N, thành phố V, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên Ngân hàng TMCP Việt Nam T do bà Lã Thị Huyền T trình bày:

Ngày 29/3/2013, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (viết tắt là Ngân hàng) và anh Quản Văn T có ký kết 01 Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20130329-128001-0001, với số tiền vay là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng); mục đích vay tiêu dùng; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo

đảm; lãi xuất vay 5.14%/tháng; phương thức trả nợ là trả chậm liên tiếp trong 24 tháng. Tổng số tiền anh T phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 24 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 42.612.000đ (trong 23 tháng đầu mỗi tháng anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.765.000đ, tháng cuối cùng trả 2.017.000đ). Kỳ thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2013.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, anh T đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng được 07 kỳ, tổng số tiền là 12.060.000đ (trong đó trả nợ gốc là 3.920.000đ; trả nợ lãi là 8.139.550đ). Căn cứ vào bảng tính lãi do Ngân hàng và anh T thỏa thuận thì anh T phải trả góp số tiền vay và lãi cho Ngân hàng thành 24 kỳ nên mặc dù ngày trả nợ cuối cùng của anh T là ngày 29/5/2015 nhưng lần trả nợ đó là để thanh toán cho kỳ trả nợ thứ 5, 6, lãi và một phần gốc của kỳ thứ 7. Kể từ ngày 30/5/2014, anh T không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất kỳ khoản nào khác. Số nợ gốc anh T chưa trả tính từ kỳ thứ 7 đến khi hết hạn hợp đồng (ngày 01/4/2015) là 20.079.550đ, số tiền lãi là 10.472.450đ.

Đối với lãi suất nợ quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc còn lại, Ngân hàng đề nghị anh T phải thanh toán từ ngày 02/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2018) là 771 ngày, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tổng là 3.870.333đ.

Ngân hàng yêu cầu anh T phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên, tổng là 30.552.000đ và tiền lãi suất nợ quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc còn lại, tính từ ngày 02/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2018) là 3.870.333đ, anh T còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 0.75%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc trên.

Bị đơn anh Quản Văn T trình bày:

Anh xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, số tiền đã được giải ngân, số tiền anh đã thanh toán cho Ngân hàng và số tiền còn nợ đúng như Ngân hàng trình bày. Anh đã trả cho Ngân hàng nhiều lần, tổng số tiền anh đã trả cho Ngân hàng là 12 triệu đồng (tiền nợ gốc là 3.920.000đ, tiền lãi là 8.139.550đ). Đối với các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng anh đồng ý không có ý kiến gì nhưng hiện nay anh đang khó khăn nên anh không thể trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi được mà chỉ có khả năng trả nợ số tiền gốc còn lại là 20.079.550đ, một lần vào ngày 30/3/2018; còn số tiền lãi 10.472.450đ anh đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ cho anh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ở cả hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (viết tắt là Ngân hàng) khởi kiện

yêu cầu anh Quản Văn T trả khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với cá nhân, mục đích vay để tiêu dùng; anh T có hộ khẩu thường trú tại phường N, thành phố V, tỉnh P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vụ án không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia là đúng quy định của pháp luật.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh Trường vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử lần 2, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Ngân hàng có mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ngân hàng và anh T đều thừa nhận hai bên tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng số 20130329-128001-0001 ngày 29/3/2013, với số tiền vay là 24.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng (để trả tiền vay mua xe máy); hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm; lãi xuất vay 5.14%/tháng; phương thức vay là cho vay trả góp; thời hạn vay là 24 tháng. Hai bên đều thừa nhận hiện nay anh T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.079.550đ, số tiền lãi tính đến ngày 01/4/2015 là 10.472.450đ, anh T đề nghị do khó khăn nên xin trả tiền gốc còn lại là 20.079.550đ (trả một lần vào ngày 30/3/2018), số tiền lãi (10.472.450đ) anh T xin đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ cho anh nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Thực tế đến ngày 30/3/2018, anh T cũng không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ số tiền nào như anh đã cam kết trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên.

Ngân hàng đề nghị anh T phải thanh toán tiền lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 02/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2018 là 771 ngày với mức lãi suất 0.75%/tháng là 3.870.333đ và đề nghị tính mức lãi suất này trên số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp.

Xét lãi xuất cho vay trong Hợp đồng tín dụng này thấy rằng: Đây là hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng đối với cá nhân nên mức lãi xuất theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên thỏa thuận là 5.14%/tháng (tính theo lãi xuất

năm 62,5%/năm) là phù hợp với các quy định tại Nghị quyết 38/2008/NQ-QH1 ngày 06/11/2008 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 và công văn số 01/2017/GĐ-TATC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ. Hơn nữa, trong quá trình ký hợp đồng tín dụng và quá trình giải quyết vụ án, anh T tự nguyện đồng ý với các thỏa thuận về lãi suất, không có ý kiến gì về lãi xuất cho vay nên khi anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền vay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với anh Quản Văn T.

Buộc anh Quản Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc là 20.079.550đ (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn không trăm năm mươi lăm đồng); tiền lãi trong hạn là 10.472.450đ (Mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng); tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2018 là 3.870.333đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); tổng cộng là 34.422.333đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Quản Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất 0,75%/tháng (là mức lãi suất Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tự nguyện yêu cầu) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Quản Văn T phải chịu 1.721.111.665đ (Một triệu bảy trăm hai mốt nghìn một trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0003086 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quản Văn T vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án ®-îc thi hµnh theo qui ®Þnh t¹i ĐiÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ®-îc thi hµnh ¸n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tho¶ thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn y^u cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo qui ®Þnh t¹i c¸c ĐiÒu 6, 7,7a vµ 9 luËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo qui ®Þnh t¹i ĐiÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường